

Bài thi: NGỮ VĂN

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi có 04 trang)

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi: 123

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

I.1. Đọc văn bản 1 và trả lời các câu hỏi 1 - 5

VĂN BẢN 1
TẬP QUÁN ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI NÙNG

(1) Người Nùng trước kia không ở tập trung thành xóm làng đông đúc như bây giờ. Những bản làng thưa thớt rất xa nhau giữa các đồi núi, rừng cây, mỗi bản chỉ mười nóc nhà và cũng cách xa nhau. Trong thiên nhiên bao la và nhiều bí ẩn về thần linh, ma quái, cọp beo, sói, gấu... rình rập, họ thấy cần liên kết nhau lại, giúp đỡ nhau trong hoạn nạn, chống lại tật bệnh, thú rừng, chống đói nghèo... Vì thế có người khách bản xa, bản gần, trong xóm tới thăm, họ quý mến, tiếp đãi chu đáo, tận tình như với người thân trong gia đình.

(2) Bữa ăn mời khách do bà vợ và các con trong nhà nấu nướng kín đáo không để khách biết, còn người chủ gia đình mang trà ngon, mời khách lên ghế trên, cao hơn mình. Rượu tự nấu và ủ sẵn, gà vịt dưới gầm sàn, rau cỏ trong vườn, bữa ăn thịnh soạn với những gì dành dụm tốt nhất của nhà đều mang mời khách. Gia chủ sợ nhất khách chối từ không ăn hoặc có công việc gấp phải bỏ về. Nếu khách ngủ lại đêm, sẽ được mời ngủ ở gian giữa để bày tỏ sự quý trọng của chủ nhà vì gian giữa thường là nơi đặt bàn thờ tổ tiên.

(3) Trong giao tiếp, giữa đàn ông và đàn bà, trai và gái, người Nùng còn giữ quan niệm "nam nữ thụ thụ bất thân", con trai con gái không được phép đụng chạm đến cơ thể nhau, nếu không phải là vợ chồng, không được nhìn thẳng vào mắt nhau, nắm tay nhau. Trai và gái, đàn ông và đàn bà không được trò chuyện riêng với nhau ở nơi vắng người hoặc đứng nói chuyện với nhau lâu ở chỗ đông người, không nói chuyện trong bóng tối. Trai gái muốn tìm hiểu nhau trong dịp sli lượn hoặc đến nhà nhau chỉ khi được phép của cha mẹ, như vậy mới được coi là có gia giáo, tôn trọng tập tục. Do cuộc sống thay đổi, việc tiếp xúc nam nữ cũng thay đổi theo, người Nùng đã có thể bắt tay chào hỏi nhau dù nam hay nữ, điều này bị coi là cấm kỵ trước kia. Một người bệnh là phụ nữ dù già nua, người thầy thuốc tới khám bệnh hoặc thầy cúng tới bắt tà phải cầm tay người ốm, nhất thiết phải có người đi cùng, ít nhất là một người thứ ba chứng kiến. Trong đời sống hằng ngày, đàn ông không bao giờ giặt váy áo cho đàn bà, con gái nhưng phụ nữ có thể giặt quần áo cho nam giới, trừ con dâu, em dâu không giặt cho bố chồng, anh chồng. Tuy nhiên, những khi hoạn nạn họ đã vượt qua tập quán này, nhất là ở phụ nữ.

(4) Đối với người cùng xóm bản, người Nùng có câu ngạn ngữ "Pi noọng xỏ cườn tò tổng pi noọng táp bá" (Anh em xóm giềng như anh em ruột thịt), nó cũng thấm thiết như ở người Kinh "Bán anh em xa mua láng giềng gần". Ở người Nùng còn có tục ăn chia. Khi cùng săn được một con thú, họ làm thịt và chia cho cả bản. Nhà nào có của ngon vật lạ đều nghĩ tới xóm bản, đem chia đều. Những phiên chợ xa, cả bản rủ nhau và giúp nhau mang vác những thứ nặng đem bán hoặc mua về...

(Nguyễn Trọng Bái biên soạn, *Truyện kể về phong tục, truyền thống văn hoá các dân tộc Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr. 88 - 90)

Câu 1. Tập quán ứng xử của người Nùng được thông tin trong văn bản gắn với khoảng thời gian nào?

- A. Trước kia
B. Hiện nay
C. Trước kia và cả hiện nay
D. Không gắn với khoảng thời gian nào

Câu 2. Dãy liệt kê nào sau đây nêu đúng thông tin chính và trật tự trình bày thông tin trong văn bản?

A. Ứng xử với mọi người nói chung, ứng xử với người cùng xóm bản, ứng xử với người khác giới tính ứng xử với khách

B. Ứng xử với mọi người nói chung, ứng xử với khách, ứng xử với người khác giới tính, ứng xử với người cùng xóm bản

C. Ứng xử với người cùng xóm bản, ứng xử với khách, ứng xử với người khác giới tính, ứng xử với mọi người nói chung

D. Ứng xử với khách, ứng xử với mọi người nói chung, ứng xử với người khác giới tính, ứng xử với người cùng xóm bản

Câu 3. Có thể ghép đoạn (1) và đoạn (2) thành một đoạn được không? Vì sao?

A. Ghép được; Vì các thông tin trong hai đoạn văn cùng bàn về việc chuẩn bị bữa ăn cho khách

B. Không ghép được; Vì thông tin trong đoạn văn thứ hai bàn riêng về bữa ăn

C. Ghép được; Vì thông tin trong hai đoạn văn cùng nói về tập quán ứng xử trước kia

D. Không ghép được; Vì thông tin chính trong mỗi đoạn văn khác nhau

Câu 4. Có phải đàn ông người Nùng không giặt váy áo cho đàn bà, con gái trong bất cứ hoàn cảnh nào?

A. Đàn ông người Nùng không giặt váy áo cho đàn bà, con gái; Vì việc giặt giũ là việc của nữ giới

B. Đàn ông người Nùng không giặt váy áo cho đàn bà, con gái; Vì “nam nữ thụ thụ bất thân”

C. Đàn ông người Nùng có giặt váy áo cho đàn bà, con gái; Trong trường hợp cần giúp đỡ khi hoạn nạn

D. Đàn ông người Nùng có giặt váy áo cho đàn bà, con gái; Trong trường hợp đó là vợ mình

Câu 5. Mục đích chính của văn bản này là gì?

A. Khẳng định cách ứng xử linh hoạt của người Nùng với các đối tượng khác nhau

B. Kêu gọi bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá ứng xử của người Nùng

C. So sánh cách ứng xử của người Nùng trước kia và hiện nay

D. Giới thiệu văn hoá ứng xử của người Nùng

I. 2. Đọc văn bản 2 và trả lời các câu hỏi 6 - 10

VĂN BẢN 2

(1) Tôi thường hình dung sự khiêm tốn giống như một cậu bé đang cố thu mình khác xa với một cậu bé khác đang khoa chân múa tay kể lể về những chiến công của mình. Cậu bé khiêm tốn luôn nói: “Không, cháu chưa làm được gì cho ra hồn cả”, trong khi cậu bé khoe khoang lác ưỡn ngực tự hào: “Tất cả những thành tích ấy đều nhờ đến cháu!”. Thông thường, những cậu bé biết giấu mình sẽ tiến xa hơn những cậu bé “ruột để ngoài da”, bởi vì người thích khoe khoang giống như một ván bài lật ngửa, chẳng còn bí mật nào để giữ lại nữa.

(2) Sức mạnh ngầm là những gì mà sự khiêm tốn thường mang lại cho người sở hữu nó. Những người khiêm tốn thường nhận được cảm tình của đám đông. Đám đông thường không chấp nhận sự khoe khoang hay khoe khoang, dù không phải người khoe khoang nào cũng sai. Kể cả khi bạn nói: bạn không cần sự ủng hộ của đám đông, thì sự khiêm tốn cũng giúp bạn nỗ lực nhiều hơn trong cuộc sống. Bạn luôn tự biết mình đã làm được gì và chưa làm được gì. Bạn sẽ còn tiến xa, vì những gì bạn hiểu về bản thân là vô cùng quan trọng.

(3) Tuy nhiên, xin đừng nhầm lẫn khái niệm khiêm tốn với thói quen tự hạ thấp mình để lấy lòng người khác. Có những người luôn nói với cấp trên rằng mình là kẻ bất tài, hèn kém, trong khi họ nghĩ tới điều ngược lại. Sự hạ thấp mình này thường khiến người đối diện cảm thấy thương hại, không đề phòng. Để cho người khác phải cảm thấy thương hại không phải là ý nghĩa của sự khiêm tốn. Khiêm tốn khác với sự dối lòng. Nếu bạn biết rằng mình xứng đáng đứng ở vị trí số một mà lại cứ phải nói ra điều ngược lại thì đó không phải là bản lĩnh của kẻ mạnh. Không có gì khổ tâm và hèn kém hơn việc phải tự hạ thấp bản thân để làm vừa lòng những người thích sự xu nịnh, luồn cúi. Hãy hiểu sự khiêm tốn giống như cách nói bình tĩnh từ một suy nghĩ bình tĩnh và chín chắn. Bạn không nhận thành tích về mình, bởi vì bạn hiểu rõ những điểm yếu trong con người bạn. Hãy giữ lại chút bí mật về bản thân bạn bằng thái độ khiêm nhường. “Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng”.

(Alpha Books biên soạn, 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường, NXB Lao động Xã hội, 2015, tr.109-111)

Câu 6. Vấn đề nghị luận trong văn bản trên là gì?

- A. Sự khoác lác
- B. Thói quen tự hạ thấp mình
- C. Sự khiêm tốn
- D. Sự dối lòng

Câu 7. Vì sao nói người khiêm tốn có “sức mạnh ngầm”?

- A. Người khiêm tốn được đám đông ủng hộ, hiểu biết rõ về bản thân để tiến xa hơn
- B. Người khiêm tốn không cần sự ủng hộ của đám đông, luôn nỗ lực tự làm mọi việc
- C. Người khiêm tốn nắm giữ nhiều bí mật quan trọng ảnh hưởng đến đám đông
- D. Người khiêm tốn tài giỏi hơn và sở hữu nhiều tài sản hơn những người khoác lác

Câu 8. Đoạn (3) triển khai nội dung nào của văn bản nghị luận trên?

- A. Giải thích về vai trò quan trọng của sự khiêm tốn với mỗi người
- B. Phân tích, diễn giải các phương diện khác nhau của sự khiêm tốn
- C. Mở rộng, khẳng định cách hiểu đúng về sự khiêm tốn
- D. Nêu ra các dẫn chứng tiêu biểu về sự khiêm tốn

Câu 9. Từ đoạn trích, cần hiểu thế nào cho đúng về sự khiêm tốn?

- A. Có thái độ khiêm nhường, hiểu rõ những điểm yếu trong con người mình
- B. Hạ thấp bản thân để người đối diện cảm thấy thương hại, không đề phòng
- C. Nói với cấp trên rằng mình là kẻ bất tài, hèn kém trong khi nghĩ điều ngược lại
- D. Biết rằng mình xứng đáng ở vị trí số một nhưng phải nói ra điều ngược lại

Câu 10. Trong đoạn (1), việc tác giả hình dung về câu chuyện cậu bé khiêm tốn và cậu bé khoác lác có tác dụng gì?

- A. Cuốn hút người đọc bởi vấn đề mang tính thời sự, gây “sốc”
- B. Dẫn dắt người đọc vào vấn đề nghị luận sinh động, cụ thể, dễ hiểu
- C. Chứng minh tầm quan trọng của vấn đề nghị luận trong văn bản
- D. Nêu ra một luận đề để phần sau dùng lập luận bác bỏ luận đề đó

I.3. Đọc văn bản 3 và trả lời các câu hỏi 11 - 15

VĂN BẢN 3 TÍNH CÁCH

Nguyễn Thị Hoài Thanh

Mẹ tôi buôn bán, chai lì trước cán cân com áo nhưng mẫn cảm trong nghệ thuật. Những nước mắt tình buồn phim ảnh, những sọt sùi số phận cải lương, bà đều hồn nhiên “ăn theo” một cách ngon lành. Có lần, cha tôi giỡn:

- Coi chừng trôi ti vi...

- Còn sách ông chưa viết ra đã hoá đá - Mẹ tôi trả miếng - Thế cũng mang danh nhà này, nhà nọ.

Một hôm, đang bữa ăn, bỗng nhiên mẹ tôi hớn háo phốc ra chặn đường con bé bán trứng vịt lộn.

- Mày biến đâu tài thế. Hi! Có chui xuống đất rồi cũng gặp tao - Bà vừa nói vừa giằng mùng trứng, đếm lấy trừ nợ.

- Dì ơi, cho con khát, mẹ con còn ốm!

- Nhà này cũng đang ốm đây - Mẹ tôi cười bù - Khởi bèm mép.

Con bé chưng hửng, lã chã nước mắt nhìn cái mùng không, rồi bung lên, xiêu vẹo bước đi...

Cha tôi cảm cảnh, quay mặt, rút mũi xoa chấm mắt.

Lâu sau, ti vi phát vỡ kịch “Cô bé nghèo bán trứng bị xiết nợ”. Lúc ấy, mẹ tôi lại khóc, còn cha tôi thì cười.

(Nhiều tác giả, *Truyện ngắn cực hay*, NXB Phụ nữ, 2003, tr. 346)

Câu 11. Thủ pháp nghệ thuật được sử dụng xuyên suốt truyện ngắn trên là gì?

- A. Phóng đại, ẩn dụ
B. Tương phản, đối lập
C. So sánh, phóng đại
D. So sánh, liên tưởng

Câu 12. Nhân vật người mẹ trong truyện có đặc điểm, tính cách như thế nào?

- A. Vừa thực dụng; vừa nông nổi, sách vở
B. Vừa hồn nhiên, vô tâm; vừa giả tạo
C. Thực dụng, giả tạo
D. Mẫn cảm, nhân hậu

Câu 13. Nhân vật người cha trong truyện có đặc điểm, tính cách như thế nào?

- A. Hải hước, đơn giản
B. Nhân hậu, trầm tĩnh
C. Nhu nhược, yếu đuối
D. Nhặt nhẻo, vô tình

Câu 14. Khi ti vi phát vở kịch “Cô bé nghèo bán trứng bị xiết nợ”, tại sao “mẹ tôi lại khóc, còn cha tôi thì cười”?

A. Người mẹ khóc vì ân hận bởi những việc mình đã làm; người bố cười vì vợ đã nhận ra sai lầm của mình

B. Người mẹ khóc vì câu chuyện của mình được lên ti vi; người bố cười vì xấu hổ với lương tâm

C. Người mẹ khóc vì thương những cảnh đời khổ đau; người bố cười vì thấy vợ giàu tình cảm

D. Người mẹ khóc theo lối “ăn theo” như mọi lần; người bố cười vì sự nông nổi, sống ảo của vợ

Câu 15. Tại sao nói đây là một truyện ngắn có tính kịch?

- A. Tập trung miêu tả tâm lí nhân vật
B. Cốt truyện li kì, hấp dẫn
C. Khả năng khái quát hiện thực cao
D. Chứa đựng nhiều mâu thuẫn, xung đột

II. PHẢN TỰ LUẬN

Câu 16 (3 điểm). Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của anh/chị về những dòng thơ sau:

“Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

(Quang Dũng, *Tây Tiến*, SGK Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.89)

Câu 17 (4 điểm). “Công nghệ có thể giúp bạn rất nhiều, nhưng nếu công nghệ chiếm được quá nhiều quyền lực đối với cuộc đời bạn, bạn có thể trở thành con tin cho lịch trình của nó”

(Yuval Noah Harari, *21 bài học cho thế kỉ 21*, NXB Thế giới, 2019, tr.328)

Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

----- HẾT -----